TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** TỈNH THÁI BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/HSST

Ngày 25-11-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Phạm Hồng Thiêm;

2.Ông Nguyễn Đức Dương.

-*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Khuông- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*: Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Phan Đình Đ1, sinh ngày 05- 12- 1990; Nơi sinh: Huyện T1, tỉnh Thái Bình Nơi cư trú: Thôn Đ2, xã Đ3, huyên T1, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Họ tên bố: Phan Đình T2; họ tên mẹ: Trần Thị M1; Chưa có vợ con; Nhân thân: Bản án số 02/2015/HSST ngày 10- 02- 2015 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đến ngày 29- 04- 2016 chấp hành xong bản án. Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 207 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 02- 09- 2019. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01- 09- 2019; bị tạm giam từ ngày 04- 09- 2019. Hiện bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ thuộc Công an huyện Thái Thụy. Có mặt.

Bị hại: 1). Anh Trần Văn D1, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn T2, xã T3, huyên T4, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

(2). Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1983; Nơi cư trú: T2, xã T3, huyên T4, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Trần Văn N1, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn T2, xã T3, huyên T4, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19 giờ ngày 31- 08- 2019, bị cáo Đ1 đi đến khu vực nhà anh Trần Văn D1 thuộc địa phận thôn T2, xã T3 thì phát hiện trong xưởng sửa xe của anh có chiếc xe máy điện, có chìa khóa trong ổ điện. Quan sát thấy không có người trông nom nên bị cáo đi bộ vào xưởng, trộm cắp chiếc xe máy điện, điều khiển xe đi về huyện T1. Khi bị anh D1 phát hiện, đuổi theo, bị cáo đã vứt xe lại để bỏ chạy. Anh D1 đuổi đến khu vực cầu Trà Lý thì bắt giữ được bị cáo, đưa về Ủy ban nhân dân xã T3 làm việc. Tại bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-ĐG ngày 03-9-2019 xác định chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, loại FAST màu đỏ trắng trị giá 4.750.000đồng.

Các chứng cứ chứng minh: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Báo cáo của Công an xã T3; Sơ đồ hiện trường; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu; Đơn trình báo và lời khai của bị hại là vợ chồng anh D1 chị H1; Lời khai của người làm chứng là anh N1 và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án là chiếc xe máy điện đã trả cho bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Ngày 31- 08- 2019, bị cáo cùng Nguyễn Văn Đ4 đi xe môtô của Đ4 đi từ huyện T1 đến khu vực Cồn Đen chơi. Trên đường về, khi đến địa phận thôn T2 thì Đ4 phát hiện chiếc xe máy điện ở một nhà xưởng ven đường, giục bị cáo vào trộm cắp chiếc xe. Bị cáo xuống xe, đi vào trộm cắp chiếc xe máy điện, đi ra ngoài đường đi về phía cầu Trà Lý để về huyện T1. Khi bị phát hiện, bị cáo vứt xe để bỏ chạy nhưng vẫn bị bắt; chỉ có Đ4 chạy thoát.

Bị hại là anh Trần Văn D1, chị Vũ Thị H1 trình bày: Ngày 31- 08- 2019, anh D1 phát hiện có người điều khiển xe máy điện của gia đình anh đi từ trong xưởng sửa chữa ô tô của gia đình; đi về hướng sang huyện T1. Khi anh đuổi theo thì bị cáo vứt xe bỏ chạy; anh đuổi đến chân cầu Trà Lý thì bắt được bị cáo giao cho Công an xã. Anh chị đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số 111/CT-VKSTT ngày 06- 11- 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo; đề nghị tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Kiểm sát viên căn cứ: Khoản 1 Điều 173; Điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 01- 09- 2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung; không đặt ra giải quyết trách nhiệm dân sự. Bị cáo phải chịu án phí.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2].Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đều trình bày: Hồi 19 giờ ngày 31- 08- 2019, bị cáo đã trộm cắp chiếc xe máy điện trong xưởng sửa xe của gia đình anh D1 thôn T2, xã T3. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án . Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người trên18 tuổi, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 4.750.000đồng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định : Bị cáo đã phạm tội"Trộm cắp tài sản"; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo tội "Trộm cắp tài sản" theo điều luật trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm....".

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

-Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

-Bị cáo phạm tôi gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã lợi dụng sơ hở của người khác để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của bị cáo phải xử lý về hình sự; cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt tù bị cáo để giáo dục bị cáo và góp phần vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Theo các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người lao động, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về vật chứng, xử lý vật chứng:

-Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu DIBAO, loại FAST màu đỏ trắng; đã trả cho bị cáo 02 chiếc điện thoại.

-Bị cáo trình bày: Nguyễn Văn Đ4 là người dùng xe môtô chở bị cáo đi trộm cắp. Hiện nay Đ4 vắng mặt nên Cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản; không yêu cầu bồi thườngnên không đặt ra giải quyết.

[6]. Trong vụ án này: Bị cáo trình bày: Người cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với bị cáo là Nguyễn Văn Đ4- hiện bỏ trốn. Cáo trạng xác định: Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý sau.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30- 12- 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1.Tuyên bố: Bị cáo Phan Đình Đ4 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo 09 (Chín) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 01- 09- 2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự:: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng

Nơi nhận:
-Bị cáo;
-Bị hại;
-VKSND huyện Thái Thụy;
-VKSND tỉnh Thái Bình;
-Cơ quan điều tra-Công an huyện Thái Thụy;
-Cơ quan thi hành án hình sự;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy;
-Lưu hồ sơ vụ án.